
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN HỌC: LUẬT KINH TẾ

1. NỘI DUNG TRỌNG TÂM:

Phần 1: Những lý luận cơ bản về luật kinh tế và pháp luật về chủ thể kinh doanh

Phần 2: Pháp luật về hoạt động thương mại và hợp đồng trong thương mại- pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Chương 1: Tổng quan về Luật Kinh Tế

Khái niệm luật kinh tế

Nội dung cơ bản của luật kinh tế

Chủ thể của luật kinh tế

Nguồn của luật kinh tế

Chương 2: Tổng quan về chủ thể kinh doanh là Doanh nghiệp

Khái niệm và phân loại doanh nghiệp

Thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Chương 3: Công ty trách nhiệm hữu hạn

• **Công ty TNHH 2 Thành viên trở lên**

Khái niệm và đặc điểm công ty TNHH 2 thành viên

Thành viên công ty

Các hình thức xử lý vốn

Cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH 2 thành viên

• **Công ty TNHH 1 thành viên**

Khái niệm và đặc điểm công ty TNHH 1 Thành viên

Chủ sở hữu công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý công ty TNHH 1thành viên

Chương 4: Công ty cổ phần

Khái niệm và đặc điểm công ty cổ phần

Cổ phần- cổ phiếu- cổ đông

Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần

Chương 5: Công ty hợp danh

Khái niệm và đặc điểm công ty hợp danh

Thành viên công ty (TV hợp danh và TV góp vốn)

Cơ cấu tổ chức quản lý công ty hợp danh

Chương 6: Doanh nghiệp tư nhân

Khái niệm và đặc điểm doanh nghiệp tư nhân

Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp

Cơ cấu tổ chức quản lý Doanh nghiệp tư nhân

Chương 7: Hộ kinh doanh và Hợp tác xã

• Hộ kinh doanh

Khái niệm và đặc điểm Hộ kinh doanh

Thành lập và đăng ký kinh doanh

Quyền và nghĩa vụ của Hộ kinh doanh

Tổ chức quản lý Hộ kinh doanh

• Hợp tác xã

Khái niệm và đặc điểm Hợp tác xã

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã

Thành lập và đăng ký kinh doanh

Quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã

Thành viên Hợp tác xã

Tổ chức quản lý Hợp tác xã

Tổ chức lại, giải thể và phá sản Hợp tác xã

Tổ chức đại diện Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã và liên minh Hợp tác xã

Chương 8: Pháp luật về hoạt động thương mại và Hợp đồng trong thương mại

Khái niệm và đặc điểm hoạt động thương mại.

Các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại

Hợp đồng thông dụng trong thương mại

Chương 9: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã.

Khái niệm phá sản

Mục đích phá sản

Phân loại phá sản

Đối tượng áp dụng phá sản

Trình tự thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã

Chương 10: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

Khái niệm tranh chấp thương mại

Giải quyết tranh chấp thương mại theo thủ tục tố tụng tại tòa án

Giải quyết tranh chấp thương mại theo thủ tục trọng tài thương mại

2. CÁCH THỨC ÔN TẬP:

Chương 1: Tổng quan về Luật Kinh Tế

Định nghĩa luật kinh tế: cần nắm vững các quan hệ xã hội chịu sự tác động của luật kinh tế.

Chú trọng phần nội dung cơ bản luật kinh tế được trình bày không theo hướng tiếp là một ngành luật trong hệ thống pháp luật nên không đề cập đến đối tượng và phương pháp điều chỉnh.

Nắm vững khái niệm chủ thể luật kinh tế (bên cạnh doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế thì những cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện theo luật định tham gia quan hệ pháp luật kinh tế cũng được xem là chủ thể luật kinh tế).

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 18-19 tài liệu HDHT LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 2: Tổng quan về chủ thể kinh doanh là Doanh nghiệp

Doanh nghiệp là chủ thể kinh doanh trọng yếu của mọi nền kinh tế. Trong chương này đề cập đến nội dung quan trọng đó là chế độ pháp lý về quá trình hình thành, tổ chức lại và kết thúc đời sống pháp lý của doanh nghiệp. Do đó người học cần nắm vững khái niệm về doanh nghiệp, xác định được đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp, thủ tục thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp. Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp. Phân biệt được hậu quả pháp lý của các hình thức tổ chức lại như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp. Cần đọc qua các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 38-40 tài liệu HDHT LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức

Chương 3: Công ty Trách nhiệm hữu hạn

• Đối với mô hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên:

Người học nên tập trung vào tính chất pháp lý mà luật ghi nhận cho mô hình công ty này, từ đó nhận diện được ưu điểm và hạn chế của công ty. Việc xác lập và chấm dứt tư cách thành viên công ty, quyền và nghĩa vụ của người góp vốn cũng như cách thức xử lý vốn được luật ghi nhận cho công ty. Nên đọc kỹ các quy định về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động

của công ty để hiểu rõ về các cơ quan tham gia vào quá trình quản lý điều hành công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

- **Đối với mô hình công ty TNHH 1 thành viên:**

Chú ý các tính chất pháp lý (trong phần khái niệm và đặc điểm công ty TNHH 1 thành viên) để đối chiếu với các tính chất pháp lý của công ty đã học (công ty TNHH 2 thành viên). Nhận diện được những điểm mạnh và hạn chế giữa 2 công ty này với nhau. Người học cần nắm vững và phân biệt chủ sở hữu công ty là cá nhân với chủ sở hữu công ty là tổ chức và cách thức tổ chức quản lý công ty khác nhau, cơ cấu tổ chức theo luật định cũng khác nhau.

Đọc thêm Giáo trình luật kinh tế về nội dung này.

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 67-68 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 4: Công ty Cổ phần

Trong bài học này, người học cần: nắm vững các khái niệm về công ty, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông, nhận diện được các đặc trưng cơ bản của công ty cổ phần, làm cho công ty này có những ưu thế nhất định so với các công ty khác. Hãy đọc các nội dung nói lên khả năng phát triển vốn không giới hạn của công ty cổ phần.

Nhận biết được cơ cấu tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát.

Đọc thêm về công ty cổ phần trong Giáo trình Luật kinh tế.

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 91-92 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 5: Công ty Hợp danh

Nội dung cơ bản trong chương này, người học cần nắm vững là các tính chất pháp lý mà luật pháp ghi nhận đối với công ty hợp danh. Nhận diện được sự khác biệt về bản chất mô hình kinh doanh này với 3 mô hình công ty (TNHH 2 thành viên, TNHH 1 thành viên và công ty cổ phần). Nhận diện được các quy định nói lên tính chất trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên hợp danh và thành viên góp vốn trong công ty.

Đọc thêm công ty hợp danh trong Giáo trình luật kinh tế.

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 105-106 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 6: Doanh nghiệp tư nhân

Người học cần chú ý, đối với chủ thể kinh doanh này về mặt pháp lý là một doanh nghiệp nghĩa là một tổ chức kinh tế nhưng thực tế thì cá nhân chủ doanh nghiệp có toàn quyền quyết định hoạt động của doanh nghiệp. Nên cần đọc qua các quy định nói lên tư cách chủ thể luật pháp của doanh nghiệp tư nhân và tính không độc lập về mặt tài sản của doanh nghiệp này.

Đọc thêm về Doanh nghiệp tư nhân trong Giáo trình Luật kinh tế.

Chương 7: Hộ kinh doanh và Hợp tác xã (chủ thể kinh doanh không là doanh nghiệp)

- **Hộ kinh doanh:**

Nội dung chính cần chú ý đối với Hộ kinh doanh là các cơ sở pháp lý về cách thức tiến hành đăng ký kinh doanh và tính trách nhiệm của loại hình này trong kinh doanh. Người học cần hiểu rõ các quy định về điều kiện kinh doanh của Hộ kinh doanh.

Đọc thêm bài hộ kinh doanh trong giáo trình luật kinh tế

- **Hợp tác xã:**

Người học cần hiểu rõ địa vị pháp lý của Hợp tác xã, để nhận diện tính tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã không giống như mô hình công ty. Tính chất sở hữu tập thể thể hiện rõ trong phân khái niệm và đặc điểm của Hợp tác xã được xác định trong luật Hợp tác xã 2012.

Cần chú ý để hiểu đầy đủ về khái niệm HTX có sự thay đổi so với HTX trong luật 2003. Tên gọi chủ thể tham gia HTX, cách thức tổ chức hoạt động HTX và các hình thức hoạt động của HTX theo luật HTX 2012.

Đọc thêm về HTX trong giáo trình Luật kinh tế

Chương 8: Pháp luật về hoạt động thương mại và Hợp đồng trong thương mại

Cần nắm vững khái niệm Hoạt động thương mại và phạm vi áp dụng cũng như các nguyên tắc cơ bản của hoạt động thương mại.

Nắm vững các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng theo các quy định tại luật thương mại và bộ luật dân sự. Các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực, các biện pháp chế tài khi vi phạm hợp đồng. Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ hợp đồng mua bán hay cung ứng dịch vụ.

Đọc thêm nội dung này trong giáo trình luật kinh tế.

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 183-184 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 9: Pháp luật về phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã

Yêu cầu nắm vững các nội dung về xác định thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, các đối tượng có quyền và nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và thẩm quyền giải quyết yêu cầu đó.

Biết về quy trình thực hiện, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Đọc thêm về nội dung trong giáo trình Luật kinh tế

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 145-146 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

Chương 10: Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

Hiểu được khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại hiện nay.

Phân biệt được thẩm quyền và nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của tòa án với thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại trọng tài thương mại.

Đọc thêm chương này trong giáo trình Luật kinh tế

Trả lời các câu hỏi nhận định và câu hỏi trắc nghiệm (trang 198-189 tài liệu HD học tập LKT 2008) xem lại bài giải để rà soát lại kiến thức.

3. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra và kết cấu đề thi:

Do mục tiêu môn học nhằm trang bị cho người học không thuộc sinh viên chuyên ngành luật nên về hình thức kiểm tra áp dụng đối với môn Luật kinh tế là trắc nghiệm gồm 25 câu hỏi, và tự luận (hình thức nhận định đúng sai và giải thích) Đề thi được phân bố như sau:

Phần trắc nghiệm: 25

Phần 1: từ chương 1 đến chương 7: 19 câu (chương 3,4,5:3 câu; các chương còn lại 2câu)

Phần 2: từ chương 8 đến chương 10: 6 câu (mỗi chương 3 câu)

Phần nhận định: 5 câu (chủ thể kinh doanh: 4 câu; phần 2: 1 câu)

Hướng dẫn cách làm bài trắc nghiệm:

Chọn đáp án đúng nhất điền vào phiếu trả lời.

Không cần trả lời theo thứ tự, câu dễ làm trước.

Hướng dẫn cách làm bài tự luận:

Phải làm cả 2 yêu cầu là nhận định và giải thích

Có thể trích dẫn văn bản pháp luật để giải thích.

Chọn câu dễ làm trước.

4. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

4.1. Đề thi:

Được phép sử dụng tài liệu.

Đề thi mẫu số 1:

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm: (05 điểm)

1. Đối tượng nào sau đây không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý DN:

- Cán bộ, công chức
- Người quản lý DN bị giải thể
- Người đang chấp hành hình phạt tù

- d. Tất cả đều sai
- 2. Hình thức nào sau đây không phải là tổ chức lại DN:**
- Hợp nhất DN
 - Chuyển đổi DN
 - Tách DN
 - Đầu tư thành lập công ty con
- 3. Cổ đông sở hữu loại CP nào sau đây thì bị mất quyền biểu quyết:**
- CP ưu đãi cổ tức
 - CP ưu đãi hoàn lại
 - Cả a và b đều đúng
 - Cả a và b đều sai
- 4. Đại hội đồng cổ đông trong công ty CP:**
- Bao gồm tất cả các cổ đông của công ty
 - Bao gồm các cổ đông phổ thông và các cổ đông ưu đãi biểu quyết
 - Bao gồm các cổ đông của công ty trừ cổ đông ưu đãi cổ tức
 - Bao gồm các cổ đông của công ty trừ cổ đông ưu đãi hoàn lại
- 5. Quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông công ty CP thuộc về:**
- Chủ tịch hội đồng quản trị
 - Ban kiểm soát
 - Giám đốc
 - Tất cả đều sai
- 6. Quyền quyết định cao nhất trong công ty TNHH thuộc về:**
- Hội đồng thành viên
 - Giám đốc
 - Thành viên góp vốn nhiều nhất
 - Tất cả đều sai
- 7. Người quản lý của công ty TNHH 2 thành viên trở lên là:**
- Hội đồng thành viên
 - Giám đốc công ty
 - Cả a và b đều đúng
 - Cả a và b đều sai
- 8. Quyền yêu cầu triệu tập họp hội đồng thành viên trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên thuộc về:**
- Giám đốc
 - Chủ tịch hội đồng thành viên
 - Thành viên góp nhiều vốn nhất
 - Tất cả đều sai
- 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là tổ chức là:**
- Chủ tịch công ty
 - Giám đốc

- c. Người được quy định tại điều lệ công ty
 - d. Tất cả đều đúng
- 10. Giám đốc công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là tổ chức:**
- a. Do chủ sở hữu chỉ định
 - b. Do hội đồng thành viên bổ nhiệm trong số các thành viên
 - c. Do chủ tịch hội đồng thành viên kiêm nhiệm
 - d. Tất cả đều sai
- 11. Trong cuộc họp hội đồng thành viên của công ty TNHH 1 thành viên có chủ sở hữu là tổ chức:**
- a. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết
 - b. Số phiếu biểu quyết của mỗi thành viên được quy định tại điều lệ công ty
 - c. Số phiếu biểu quyết của chủ tịch hội đồng thành viên luôn nhiều hơn số phiếu biểu quyết của các thành viên khác
 - d. Tất cả đều sai
- 12. Thành viên HD:**
- a. Không được làm chủ DNTN
 - b. Không được làm thành viên HD của công ty HD khác
 - c. Không được làm xã viên hợp tác xã
 - d. Tất cả đều sai
- 13. Thành viên công ty nào không được tham gia quản lý công ty:**
- a. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
 - b. Công ty CP
 - c. Thành viên HD của công ty HD
 - d. Thành viên góp vốn của công ty HD
- 14. Chủ DNTN:**
- a. Phải đăng ký vốn đầu tư và ghi vào điều lệ DN
 - b. Phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với vốn đầu tư vào DN
 - c. Có quyền tăng nhưng không được giảm vốn đầu tư
 - d. Tất cả đều sai
- 15. Phát biểu nào sau đây về DNTN là sai:**
- a. Là DN một chủ
 - b. Chủ DNTN là cá nhân hoặc tổ chức
 - c. DNTN không được phát hành chứng khoán
 - d. DNTN không có tư cách pháp nhân
- 16. Chủ hộ kinh doanh là:**
- a. Một cá nhân
 - b. Một nhóm người
 - c. Một hộ gia đình
 - d. Tất cả đều đúng
- 17. Mỗi cá nhân, hộ gia đình:**
- a. Được đăng ký không hạn chế số hộ kinh doanh

- b. Chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi một huyện
 - c. Chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi một tỉnh
 - d. Chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc
- 18. Thời hạn tối đa để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của DN, HTX trong một vụ phá sản là:**
- a. 1 năm
 - b. 2 năm
 - c. 3 năm
 - d. 4 năm
- 19. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với HTX đã ĐKKD tại cơ quan ĐKKD cấp huyện là:**
- a. Tòa án nhân dân cấp huyện
 - b. Tòa án nhân dân cấp tỉnh
 - c. Cơ quan ĐKKD cấp huyện
 - d. a hoặc b
- 20. Thỏa thuận trọng tài được lập:**
- a. Trước khi xảy ra tranh chấp
 - b. Sau khi xảy ra tranh chấp
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
- 21. Thời hạn mà các bên đương sự được khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp trong kinh doanh là:**
- a. 6 tháng kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm
 - b. 2 năm kể từ ngày xác lập giao dịch
 - c. 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm
 - d. Không giới hạn
- 22. Nội dung của hợp đồng là:**
- a. Toàn bộ điều khoản ghi trong hợp đồng,
 - b. Các điều khoản chính của hợp đồng,
 - c. Các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên,
 - d. Điều khoản về Giải quyết tranh chấp hợp đồng
- 23. Biện pháp bảo lãnh tài sản trong việc thực hiện hợp đồng không được sử dụng các tài sản nào sau đây để bảo lãnh:**
- a. Tài sản đang tranh chấp,
 - b. Tài sản thuộc sở hữu của người nhận bảo lãnh,
 - c. Bất động sản,
 - d. Tài sản gắn liền với bất động sản
- 24. Hợp tác xã:**
- a. Là tổ chức kinh tế tập thể do nhà nước thành lập, chủ yếu ở nông thôn
 - b. Là một loại hình DN
 - c. Thành viên có thể góp vốn hoặc góp sức vào hợp tác xã
 - d. Chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn và tài sản của hợp tác xã

25. Đối tượng nào sau đây không được làm thành viên hợp tác xã:

- a. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi
- b. Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Phần 2: Mỗi nhận định sau đúng hay sai, giải thích ngắn gọn có căn cứ pháp lý (05 điểm):

1. Công chức không được thành lập hộ kinh doanh.
2. Thành viên hợp danh không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác trong mọi trường hợp.
3. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên không được phát hành tất cả các loại chứng khoán.
4. Khi có quyết định mở thủ tục giải quyết phá sản Doanh nghiệp, Hợp tác xã thì doanh nghiệp, Hợp tác xã mắc nợ phải ngừng hoạt động kinh doanh.
5. Ban kiểm soát không thực hiện nhiệm vụ của mình trong sáu tháng thì Hội đồng quản trị công ty cổ phần có quyền miễn nhiệm.

Hết đề thi

Đáp án đề mẫu số 1:

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm: (05 điểm)

1b	2d	3c	4b	5b
6a	7b	8b	9c	10d
11a	12d	13d	14d	15b
16d	17d	18c	19d	20c
21c	22a	23a	24d	25d

Phần 2: Mỗi nhận định sau đúng hay sai, giải thích ngắn gọn có căn cứ pháp lý (05 điểm):

Câu 1: Sai, công chức chỉ bị cấm thành lập doanh nghiệp (theo K2 điều 13 LDN 2005) không bị cấm thành lập Hộ kinh doanh theo Nghị định 43/2000/NĐ-CP.

Câu 2: Sai, thành viên hợp danh được làm thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác trong trường hợp có sự đồng ý của các thành viên hợp danh còn lại (điều 133 LDN2005).

Câu 3: Sai, Công ty TNHH 2 thành viên chỉ bị cấm phát hành cổ phần (cổ phiếu), không cấm các loại chứng khoán khác (điều 38 LDN 2005).

Câu 4: Sai, Doanh nghiệp, Hợp tác xã vẫn được hoạt động nhưng sự giám sát của Thẩm phán và tổ quản lý thanh lý tài sản.(điều 30 LPS 2004)

Câu 5: Sai, Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền miễn nhiệm đối với ban kiểm soát đương nhiệm (điều 137 LDN 2005).

Đề mẫu số 2:

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm: (05 điểm)

- 1. Thời hạn DN được cấp giấy chứng nhận ĐKKD kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ là:**
 - a. 5 ngày làm việc
 - b. 10 ngày làm việc
 - c. 15 ngày làm việc
 - d. 30 ngày làm việc
- 2. Đối tượng nào sau đây không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý DN:**
 - a. Người chưa thành niên
 - b. Cán bộ hưu trí
 - c. Người đang chấp hành hình phạt tù
 - d. Tất cả đều sai
- 3. Đại hội đồng cổ đông công ty CP:**
 - a. Là cơ quan quyết định cao nhất trong công ty CP
 - b. Là cơ quan bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết
 - c. Họp ít nhất mỗi năm một lần
 - d. Tất cả đều đúng
- 4. Quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông công ty CP thuộc về:**
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 25% tổng số CP phổ thông
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số CP phổ thông liên tục ít nhất 6 tháng
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số CP phổ thông liên tục ít nhất 6 tháng
 - d. Cổ đông sở hữu nhiều CP phổ thông nhất
- 5. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của công ty CP được tiến hành khi:**
 - a. Số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số CP có quyền biểu quyết
 - b. Số cổ đông dự họp đại diện trên 65% tổng số CP có quyền biểu quyết
 - c. Số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 75% tổng số CP có quyền biểu quyết
 - d. Số cổ đông dự họp đại diện trên 75% tổng số CP có quyền biểu quyết
- 6. Người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH 2 thành viên trở lên là:**
 - a. Giám đốc
 - b. Chủ tịch hội đồng thành viên
 - c. Thành viên góp nhiều vốn nhất
 - d. Người được qui định tại điều lệ công ty
- 7. Lợi nhuận trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên:**
 - a. Được chia tương ứng với tỉ lệ vốn góp
 - b. Được chia theo tỉ lệ thỏa thuận tại điều lệ công ty

- c. Được chia theo quyết định của chủ tịch hội đồng thành viên căn cứ vào kết quả kinh doanh hằng năm
 - d. Tất cả đều sai
- 8. Quyết định của hội đồng thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên được thông qua:**
- a. Bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp
 - b. Bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
- 9. Chủ sở hữu công ty TNHH 1 thành viên:**
- a. Nếu là tổ chức phải bổ nhiệm một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để quản lý công ty
 - b. Nếu là cá nhân, chủ sở hữu được trực tiếp quản lý công ty
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
- 10. Công ty TNHH 1 thành viên được đầu tư:**
- a. Thành lập công ty TNHH 1 thành viên khác
 - b. Làm thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên
 - c. Làm thành viên góp vốn của công ty HD
 - d. Tất cả đều đúng
- 11. Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên:**
- a. Không được trực tiếp rút vốn khỏi công ty
 - b. Chỉ được rút vốn bằng cách chuyển nhượng cho cá nhân, tổ chức khác
 - c. Phải tách biệt tài sản công ty và tài sản của chủ sở hữu
 - d. Tất cả đều đúng
- 12. Thành viên công ty nào đương nhiên có quyền quản lý công ty:**
- a. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
 - b. Công ty CP
 - c. Thành viên HD của công ty HD
 - d. Thành viên góp vốn của công ty HD
- 13. Trường hợp thành viên HD của công ty HD bị chết thì người thừa kế của họ:**
- a. Đương nhiên trở thành thành viên HD của công ty
 - b. Đương nhiên trở thành thành viên góp vốn của công ty
 - c. Chỉ được trở thành thành viên HD nếu được hội đồng thành viên chấp thuận
 - d. Tất cả đều sai
- 14. Chủ DNTN:**
- e. Phải đăng ký vốn đầu tư và ghi vào điều lệ DN
 - f. Phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với vốn đầu tư vào DN
 - g. Có quyền tăng nhưng không được giảm vốn đầu tư
 - h. Tất cả đều sai
- 15. Chủ DNTN:**
- a. Chỉ được làm chủ 1 DNTN trong phạm vi toàn quốc
 - b. Chỉ được làm chủ 1 DNTN trong phạm vi một tỉnh

- c. Không được làm thành viên của công ty HD
 - d. Không được làm thành viên của công ty TNHH
- 16. Phát biểu nào sau đây về hộ kinh doanh là sai:**
- a. Không có tư cách pháp nhân
 - b. Có thể có một chủ hoặc nhiều chủ
 - c. Đăng ký tại cơ quan ĐKKD cấp huyện
 - d. Được mở chi nhánh với điều kiện không cùng huyện với cơ sở chính
- 17. Hộ kinh doanh:**
- a. Không có tài sản riêng
 - b. Không được sử dụng quá 10 lao động
 - c. Không được mở chi nhánh, văn phòng đại diện
 - d. Tất cả đều đúng
- 18. Liên hiệp Hợp tác xã được thành lập từ :**
- a. Ít nhất 4 Hợp tác xã
 - b. Ít nhất 2 Hợp tác xã
 - c. Ít nhất 3 Hợp tác xã
 - d. Ít nhất 5 Hợp tác xã
- 19. Liên hiệp Hợp tác xã khác Liên minh Hợp tác xã ở đặc điểm chủ yếu:**
- a. Liên hiệp Hợp tác xã có chức năng kinh doanh
 - b. Liên minh Hợp tác xã có chức năng kinh doanh
 - c. Liên hiệp Hợp tác xã là tổ chức hợp tác về đào tạo nhân sự cho các Hợp tác xã
 - d. Liên minh Hợp tác xã có chức năng kiểm tra giám sát các Hợp tác xã
- 20. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với DN là:**
- a. Tòa án nhân dân cấp huyện
 - b. Tòa án nhân dân cấp tỉnh
 - c. Cơ quan ĐKKD cấp tỉnh
- 21. Đối tượng áp dụng của Luật phá sản là:**
- a. HTX và các DN
 - b. Cá nhân, tổ chức có ĐKKD
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
- 22. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm những tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài thuộc về:**
- a. Tòa án nhân dân cấp huyện
 - b. Tòa án nhân dân cấp tỉnh
 - c. Tòa án nhân dân tối cao
 - d. Tùy vào giá trị của vụ tranh chấp
- 23. Thỏa thuận trọng tài được lập bằng hình thức:**
- a. Thỏa thuận miệng (lời nói)
 - b. Văn bản
 - c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

24. Đối với hợp đồng lập thành văn bản, thời điểm xác lập hiệu lực hợp đồng là:

- a. Bên sau cùng ký vào văn bản,
- b. Hai bên ký vào văn bản
- c. Các bên đồng ý những nội dung thỏa thuận
- d. Tất cả đều đúng

25. Trường hợp nào sau đây có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng:

- a. Thay đổi nội dung hợp đồng,
- b. Hợp đồng bị đình chỉ
- c. Hợp đồng bị hủy bỏ,
- d. Tất cả đều đúng

Phần 2: Mỗi nhận định sau đúng hay sai, giải thích ngắn gọn có căn cứ pháp lý (05 điểm):

1. Hộ kinh doanh được quyền tiến hành hoạt động kinh doanh từ khi góp đủ vốn kinh doanh.
2. Chủ doanh nghiệp tư nhân phải tiến hành chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn vào doanh nghiệp tư nhân.
3. Trong cơ cấu tổ chức của công ty TNHH 1 thành viên luôn phải có Chủ tịch công ty.
4. Người lao động có quyền nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp & Hợp tác xã.
5. Tài sản góp vốn của thành viên hợp danh phải chuyển quyền sở hữu cho công ty hợp danh.

Hết đề thi

Đáp án đề mẫu số 2

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm: (05 điểm)

1a	2b	3d	4c	5a
6d	7a	8c	9c	10d
11d	12c	13c	14d	15a
16d	17d	18a	19a	20b
21a	22b	23b	24a	25d

Phần 2: Mỗi nhận định sau đúng hay sai, giải thích ngắn gọn có căn cứ pháp lý (05 điểm):

Câu 1: Sai, Hộ kinh doanh được quyền tiến hành hoạt động kinh doanh khi được cấp giấy chứng nhận kinh doanh.

Câu 2: Sai, tài sản của DNTN và tài sản của chủ DNTN không có sự tách bạch, luật không buộc chủ doanh nghiệp tư nhân phải chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn vào DNTN.

Câu 3: Sai, cơ cấu tổ chức của công ty TNHH 1 thành viên do tổ chức làm chủ, nếu chủ sở hữu bổ nhiệm nhiều người thay mặt chủ sở hữu quản lý, điều hành công ty thì trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty sẽ không có chức danh chủ tịch công ty

Câu 4: Sai, người lao động chỉ có quyền cử người đại diện hoặc thông qua đại diện công đoàn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, người lao động không có quyền nộp đơn trực tiếp.(điều 14 LPS 2004)

Câu 5: Đúng, Tài sản của công ty hợp danh gồm tài sản góp vốn của các thành viên đã được chuyển quyền sở hữu cho công ty...(điều 132 và điều 29 LDN 2005).
